



Mã số: 251106/3916:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÌNH ĐÔNG**
- Địa chỉ: 40 – 54 Tuy Lý Vương, Phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT21.251106	1106/NT/U-COM-TLV/2: Đầu ra sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1188323; Y = 598784)

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT21.251106	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,00	5 - 9
2	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	< 15	--
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	5	50
4	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	24,1	100
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1,0)	20
6	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	674	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	3,25	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	4,31	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	KPH (MDL=0,05)	10
11	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,53	--
12	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	3,70	--
13	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	< 0,20	10
14	Tổng Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	930	5.000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT: Giám Đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm